

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 09 - 2024

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Trần Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HN ngày 04 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà La Thị Thu T, sinh ngày 08/08/1976 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số 19 đường Đ1, khu phố L2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Ông Cao Hữu N, sinh ngày 08/07/1974 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 19 đường Đ1, khu phố L2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà La Thị Thu T trình bày:** Bà T và ông N tự nguyện quen biết rồi tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 31/05/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống cùng gia đình bên chồng tại địa chỉ số 26 đường Phan Chu Trinh, phường Vĩnh thanh Vân, thành phố R. Đến năm 2005 thì vợ chồng dọn ra ở riêng tại địa chỉ số Số 19 đường Đ1, khu phố L2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đến nay. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008

thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 12/2023 thì vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Ban đầu vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ dần dần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do ông N không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi và đánh vợ rồi đập phá đồ đạc trong gia đình và đã từng bị Công an phường mời làm việc, ngoài ra ông N còn có mối quan hệ tình cảm với người phục nữ khác bên ngoài. Mặc dù chị T có khuyên can để vợ chồng hoá giải mâu thuẫn nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm giữa bà T với ông N không còn nên bà T yêu cầu **được ly hôn với ông N.**

Về con chung: Chị La Thị Thu T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Cao Thị Thu Đ, sinh ngày 08/10/1997; Cao Thị Thu L1, sinh ngày 13/02/1999 và Cao Hữu L, sinh ngày 07/02/2002 các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị La Thị Thu T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị La Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Bà La Thị Thu T xác định không còn tình cảm yêu thương với ông N nữa và yêu cầu được ly hôn với ông N; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Bà T giữ theo yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 10/04/2024 ông Cao Hữu N có trình bày không đồng ý ly hôn với bà La Thị Thu T vì còn nhiều điều chưa rõ ràng trong gia đình. Tài sản chung còn chưa rõ ràng; Các con chung đã trưởng thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng ông Cao Hữu N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà La Thị Thu T được ly hôn với ông Cao Hữu N. Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết, tài sản chung: Bà T xác định tự thoả thuận, nợ chung: xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Nếu ông N cho rằng có tài sản chung, nợ chung có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà La Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Cao Hữu N và ông N là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Cao Hữu N đã được Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng ông N cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông N theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà La Thị Thu T và ông Cao Hữu N được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 31/05/1996 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông N không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, bà T xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông N không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi và đánh vợ rồi đập phá đồ đạc trong gia đình và đã từng bị Công an phường mời làm việc, ngoài ra ông N còn có mối quan hệ tình cảm với người phục nữ khác bên ngoài và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Trong thời gian bà T, ông N sống ly thân ông, bà không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại bản tự khai ông N không đồng ý ly hôn với bà T với lý do là về việc thỏa thuận tài sản chưa rõ ràng nhưng ông không có ý kiến yêu cầu chia tài sản trong vụ án này và cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và việc chia tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về N vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Từ đó cho thấy, ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T, do đó xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N.

[5] Về quan hệ con chung: Bà La Thị Thu T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Cao Thị Thu Đ, sinh ngày 08/10/1997; Cao Thị Thu L1, sinh ngày 13/02/1999 và Cao Hữu L, sinh ngày 07/02/2002, bà T và ông N xác định các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà La Thị Thu T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà La Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu ông N cho rằng có tài sản chung có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà La Thị Thu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà La Thị Thu T được ly hôn với ông Cao Hữu N.

2. Về con chung: Bà La Thị Thu T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Cao Thị Thu Đ, sinh ngày 08/10/1997; Cao Thị Thu L1, sinh ngày 13/02/1999 và Cao Hữu L, sinh ngày 07/02/2002, bà T và ông N xác định các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà La Thị Thu T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà La Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà La Thị Thu T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006316 ngày 27/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/09/2024), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh